

# ベトナム Việt Nam

ベトナム社会主義共和国大使館	Đại sứ quán nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam	<a href="https://vnembassy-jp.org/vi">https://vnembassy-jp.org/vi</a>
----------------	---	---

父母がベトナム国籍で子どもが日本で生まれた場合	Trường hợp cha và mẹ mang quốc tịch Việt Nam và con sinh ra ở Nhật
<b>国籍のルール / Luật Quốc tịch</b>	
<p>父母のどちらか一方がベトナム国籍であれば、子どもはベトナム国籍を取得できます。</p> <p>ただし、出生時に一方の親がベトナム国籍で他方の親が外国籍の場合は、出生登録時に、子どもがベトナム国籍を取得することについて、両親が書面により同意することが必要です。</p> <p>父母のどちらかがベトナム国籍以外の場合や、最新の情報は提出先にご確認ください。</p>	<p>Trẻ em có cha hoặc mẹ mang quốc tịch Việt Nam thì có thể nhận quốc tịch Việt Nam.</p> <p>Tuy nhiên, trường hợp khi sinh ra trẻ em có cha hoặc mẹ mang quốc tịch Việt Nam còn người kia mang quốc tịch nước ngoài, khi đăng kí khai sinh để con nhận quốc tịch Việt Nam thì cần có sự đồng ý bằng văn bản của cả cha và mẹ.</p> <p>Trường hợp cha hoặc mẹ mang quốc tịch khác quốc tịch Việt Nam thì cần xác nhận thông tin mới nhất với nơi nộp hồ sơ.</p>
<b>手続き / Thủ tục</b>	
子どもが生まれたら、ベトナム大使館・領事館に出生登録を行い、出生証明書を取得します。同時にパスポートの申請をすることができます。	Khi trẻ em sinh ra cần làm thủ tục đăng kí khai sinh tại Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Việt Nam để nhận giấy Khai sinh. Đồng thời có thể đăng kí làm hộ chiếu.

<b>日本の役所で取得する書類(入管用・大使館用) / Giấy tờ nhận ở trụ sở hành chính Nhật (dùng cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Nhật Bản và Đại sứ quán)</b>	
その他、本国の書類(父母の結婚証明書など)がある場合があります。大使館に確認してください。/ Ngoài ra, có thể cần các giấy tờ của Việt Nam (như giấy chứng nhận kết hôn của cha mẹ, v.v.. Hãy xác nhận với Đại sứ quán)	
<ol style="list-style-type: none"> <li>出生届受理証明書(原本)2通             <ol style="list-style-type: none"> <li>在留資格の申請(入管)用</li> <li>大使館提出用 ⇒ベトナム語の翻訳が必要</li> </ol> </li> <li>子どもを含めた世帯全員の住民票(原本)2通             <ol style="list-style-type: none"> <li>在留資格の申請(入管)用</li> <li>大使館提出用 ⇒ベトナム語の翻訳が必要</li> </ol> </li> <li>子どもを扶養する人の住民税の課税証明書(原本) 1 通</li> <li>子どもを扶養する人の住民税の納税証明書(原本) 1 通</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Chứng nhận thụ lý đơn khai sinh (bản chính) 2 tờ             <ol style="list-style-type: none"> <li>Dùng để xin tư cách lưu trú (Cục Quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Nhật Bản)</li> <li>Dùng để nộp cho Đại sứ quán ⇒ cần bản dịch tiếng Việt</li> </ol> </li> <li>Phiếu cư dân của cả hộ gia đình gồm trẻ (bản chính) 2 tờ             <ol style="list-style-type: none"> <li>Dùng để xin tư cách lưu trú (Cục Quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Nhật Bản)</li> <li>Dùng để nộp cho Đại sứ quán ⇒ cần bản dịch tiếng Việt</li> </ol> </li> <li>Chứng nhận về thuế cư dân của người cấp dưỡng cho trẻ (bản chính) 1 tờ</li> <li>Chứng nhận nộp thuế cư trú của người cấp dưỡng cho trẻ (bản chính) 1 tờ</li> </ol>
<b>お役立ち情報 / Các thông tin hữu ích</b>	
<p>子どもの出生登録・パスポート申請は、郵送又は大使館/領事館に出頭して手続きします。なお、子どもが出生の日から 60 日以内に出生登録されない場合、延滞登録となり、別の申請書を提出する必要がある場合があります。</p> <p>大使館に提出するベトナム語の翻訳は、大使館に依頼することができます。</p>	<p>Thủ tục đăng kí khai sinh và xin hộ chiếu cho trẻ có thể gửi qua đường bưu điện hoặc đến trực tiếp Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán. Tuy nhiên, trường hợp không đăng kí khai sinh trong vòng 60 ngày sau khi trẻ sinh ra sẽ bị tính là đăng kí quá hạn, có thể cần nộp đơn xin khác.</p> <p>Bản dịch tiếng Việt nộp cho Đại sứ quán có thể nhờ dịch vụ của Đại sứ quán.</p>

※上記は両親がベトナム国籍である場合を基本にした参考情報です。

※ Trên đây là thông tin tham khảo chủ yếu cho trường hợp cả cha và mẹ mang quốc tịch Việt Nam.

確認日：2022年8月20日 (ts) Ngày xác nhận: 20/8/2022 (ts)